**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**Huyện Krông Năng**
**Tỉnh Đăk Lăk**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2019
"*V/v: Ly hôn, nuôi con chung*".

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂKLĂK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Cảnh Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Lam và ông Y Míp Niê.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng** tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-DS ngày 20/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ N – sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

# NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, bản tự khai anh Nguyễn Văn S trình bày: Tôi kết hôn với chị Trần Thị Mỹ N vào ngày 30/9/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E – huyện K. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N còn ham chơi, bỏ đi nhiều lần và tôi đã khuyên nhưng không được nên mâu thuẫn không thể tiếp tục sống chung nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung, có 01 con chung là Nguyễn Trần Kim C – sinh ngày 12/9/2014. Sau ly hôn, tôi nhường quyền nuôi con cho chị Trần Thị Mỹ N và tôi sẽ chu cấp hàng tháng để nuôi con là 2.500.000 đồng.

Tài sản chung và nợ, không có.

Tòa án đã tống đạt, gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn là chị Trần Thị Mỹ N nhưng chị Ngọc đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện cũng như các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ pháp luật và giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán điều khiển phiên tòa cũng như trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn ly hôn của anh Nguyễn Văn S để tuyên bố anh S được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ N. Về con chung, giao cháu Nguyễn Trần Kim C – sinh ngày 12/9/2014 cho chị Trần Thị Mỹ N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và công nhận việc anh S đồng ý để cấp dưỡng cho cháu C mỗi tháng 2.500.000 đồng. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật.

## XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 26/3/2019, Toà án nhân dân huyện Krông Năng nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn S về yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ N và trách nhiệm nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Kim C. Chị Trần Thị Mỹ N có địa chỉ và cư trú tại thôn T - xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[2]. Quan hệ pháp luật: Việc khởi kiện của anh Nguyễn Văn S được xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Thị Mỹ N mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục hợp lệ là tống đạt, gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án.

[4.1]. Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Mỹ N yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/9/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nên cuộc sống không được hạnh phúc. Bên cạnh đó, khoảng cách địa lý sống của hai người hai nơi nên không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Thực tế thì hai người đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2017 đến nay.

Mặc dù, quá trình làm việc chị Trần Thị Mỹ N có mặt nhưng không hợp tác và qua xác minh tại Chi hội Phụ nữ thôn T – xã E thì thể hiện được hiện nay anh S và chị N

không sống chung cùng nhau và mâu thuẫn giữa hai người cũng đã được hòa giải tại địa phương nhưng không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Mỹ N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại vì hai người đã sống ly thân với nhau và mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét nguyện vọng của anh Nguyễn Văn S là mong muốn được ly hôn là có căn cứ nên cần chấp nhận, anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ N.

[4.2]. Về con chung: Cháu Nguyễn Trần Kim C – sinh ngày 12/9/2014 hiện đang sống cùng chị Trần Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn S đồng ý giao cháu C cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đồng thời anh S sẽ cấp dưỡng để nuôi cháu C mỗi tháng là 2.500.000 đồng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Xét ý chí của anh S là tự nguyện, phù hợp pháp luật cũng như không trái đạo đức xã hội và cũng để đảm bảo cuộc sống tốt cho cháu C nên cần chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Trần Kim C – sinh ngày 12/9/2014 cho chị Trần Thị Mỹ N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn S phải cấp dưỡng để nuôi cháu Nguyễn Trần Kim C mỗi tháng là 2.500.000 đồng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Thời hạn đóng cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2019.

Anh Nguyễn Văn S được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

[4.3]. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn S phải chịu theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên.**

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Kim C – sinh ngày 12/9/2014 cho chị Trần Thị Mỹ N nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn S phải cấp dưỡng để nuôi cháu Nguyễn Trần Kim C mỗi tháng là 2.500.000 đồng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Thời hạn đóng cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2019.

Anh Nguyễn Văn S được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không bị cản trở.

Việc giao con chỉ là tạm thời. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0010619 ngày 26/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng. Anh Nguyễn Văn S phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPTA.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa**

*Đã ký*

**Trần Cảnh Toàn**